

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 18/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18001554	Trần Văn	Bảo	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
2	18001733	Lâm Dân	Đạt	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
3	18001644	Nguyễn Đăng	Đình	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
4	18001142	Dương Trần Trọng	Đức	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
5	18001353	Nguyễn Văn	Duy	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
6	18001438	Đoàn Hoàng	Gia	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
7	18001323	Trần Minh	Hải	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
8	18001278	Trần Nhựt	Hào	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
9	18004047	Trần Văn	Hiệp	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
10	18001232	Nguyễn Quốc	Hùng	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
11	18001289	Dương Đăng	Hưng	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
12	18001522	Đỗ Gia	Huy	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
13	18001196	Lương Anh	Huy	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
14	18001312	Nguyễn Quốc	Huy	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
15	18000554	Trịnh Gia	Huy	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
16	18001377	Bùi Gia	Kiệt	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
17	18001450	Mai Nhật	Long	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
18	18001141	Nguyễn Hoàng	Nam	18T4-CNÔ5	6,642,000	335,000	6,977,000	
19	18001284	Dư Hữu	Phát	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
20	18005249	Nguyễn Duy	Phát	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
21	18001322	Vòng Triều	Phát	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
22	18001277	Nguyễn Hoàng	Phúc	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
23	18001287	Nguyễn Sanh Minh	Phước	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
24	18001397	Nguyễn Huy	Phương	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
25	18001620	Nguyễn Thành	Sang	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
26	18001282	Võ Minh	Sáng	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
27	18001392	Phạm Minh	Thắng	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
28	18001133	Lý Nhân	Tiến	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
29	18002505	Nguyễn Công	Tín	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
30	18001967	Lê Văn	Trí	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	
31	18001359	Phạm Anh	Tú	18T4-CNÔ5	6,642,000	140,000	6,782,000	